

Số: 201/TB-TTPTQĐ2

Hưng Yên, ngày 03 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc cho thuê nhà do Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 tỉnh Hưng Yên quản lý, khai thác

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 1523/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh giao bổ sung cơ sở nhà, đất dôi dư để xử lý và bổ sung, điều chỉnh phương án xử lý một số cơ sở nhà, đất dôi dư;

Căn cứ Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh về việc giao cơ sở nhà, đất dôi dư cho các cơ quan, đơn vị và phê duyệt phương án xử lý đối với các cơ sở nhà đất nhận chuyển giao từ Bộ, cơ quan trung ương về địa phương quản lý, xử lý;

Căn cứ Công văn số 4973/UBND-TH ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh về việc Phương án quản lý, khai thác nhà, đất của Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02;

Căn cứ các Quyết định từ số 215/QĐ-TTPTQĐ2 đến số 235/QĐ-TTPTQĐ2 ngày 03/8/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 về việc phê duyệt Đơn giá cho thuê nhà;

Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 tỉnh Hưng Yên thông báo danh mục nhà, đất cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) và giá niêm yết, giá sàn cho thuê; nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức niêm yết giá:
(Có danh mục các cơ sở nhà, đất kèm theo)
2. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức chào giá cạnh tranh:
(Có danh mục các cơ sở nhà, đất kèm theo)
3. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) tại điểm 1, điểm 2 Thông báo này thực hiện trình tự như sau:
 - a) Đến Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 tỉnh Hưng Yên (Số 138 phố Lê

Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên) để nhận phiếu đăng ký thuê nhà theo mẫu; quy chế thực hiện cho thuê nhà do Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 phát hành; nộp tiền đặt trước và nộp phiếu đăng ký thuê nhà.

- Thời gian: Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 (Trong giờ hành chính các ngày làm việc).

- Nộp tiền đặt trước bằng 5% của tiền thuê nhà cho cả thời hạn thuê nhà vào tài khoản ngân hàng số 3751.0.1129058.00000 của Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 tại Kho bạc Nhà nước khu vực IV – Phòng giao dịch số 3.

Việc nộp tiền đặt trước thực hiện không chậm hơn thời điểm nộp phiếu đăng ký thuê nhà.

- Trường hợp thuộc đối tượng ưu tiên thuê nhà theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP), Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP thì phải nộp bản sao các hồ sơ, tài liệu chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên.

b) Tham dự buổi xác định người được quyền thuê nhà theo đúng thời gian, địa điểm, cụ thể như sau:

- Thời gian: 08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026.

- Địa điểm: Phòng họp tầng 3, Trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 tỉnh Hưng Yên (Số 138 phố Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên).

c) Trường hợp có nhu cầu xem nhà trước khi nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước; tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà đăng ký với Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 để lên lịch cụ thể.

4. Thông tin liên hệ của Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02:

- Liên hệ nhận phiếu đăng ký thuê nhà, hướng dẫn viết phiếu đăng ký thuê nhà, nộp phiếu đăng ký thuê nhà: Bà Đào Thị Thu Phương - Viên chức phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất, số điện thoại liên hệ: 0389.394.338.

- Liên hệ xem cơ sở nhà, đất: Ông Trần Duy Anh - Viên chức phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất, số điện thoại liên hệ: 0969.990.855.

Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 tỉnh Hưng Yên trân trọng thông báo để các tổ chức, cá nhân được biết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên (để nghị đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên);
- UBND các phường: Trần Hưng Đạo; Trần Lãm;
- UBND các xã: Đông Hưng, Kiến Xương, Thái Thụy;
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Lưu: VT, PTQĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT SỐ 02 TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 03/08/2026 17:32:11

Nguyễn Văn Luật



DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT SỐ 02 TỈNH HUNG YÊN QUẢN LÝ, KHAI THÁC

(Kèm theo Thông báo số: 20/TB-TTPTQĐ2 ngày 03/8/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02)

STT	Tên cơ sở nhà, đất		Mã tài sản	Diện tích (m2)		Giá niêm yết			Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời gian cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Ghi chú	
				Đất	Sàn sử dụng nhà	Đơn giá cho thuê nhà Gt (đồng/m2 /năm)	Tiền thuê nhà theo năm (đồng/năm)	Tiền thuê nhà theo tháng (đồng/tháng)								
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức niêm yết giá				238,00	251,00		39.613.573	3.301.131	251		9.903.000				
1	Chi cục THADS Đông Hưng (cũ)	Xã Đông Hưng	QĐ01	238,0	251,0	157.823	39.613.573	3.301.131	251,0	5	Đất TMDV	9.903.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02		
II	Cho thuê nhà theo phương thức chào giá cạnh tranh				33.246,00	28.006,07		13.231.729.287	1.102.644.107	28.006,07		3.307.932.000				
1	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Thái Bình (cũ)	Số 274 đườngTrần Thánh Tông, phường Trần Hưng Đạo	QĐ02	1.029,7	1.292,48	207.984	268.815.160	22.401.263	1.292,48	5	Đất TMDV	67.204.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02		
2	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp (cũ)	Số 2 Ngõ 274 Trần Thánh Tông/phường Trần Hưng Đạo	QĐ03	1.148,5	578,6	204.417	118.275.676	9.856.306	578,6	5	Đất TMDV	29.569.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02		
3	Chi cục Phát triển nông thôn Thái Bình (cũ)	Số 368 Đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo	QĐ04	1.065,6	1.546,8	318.855	493.204.914	41.100.410	1.546,8	5	Đất TMDV	123.301.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02		
4	Chi cục Chăn nuôi - Thú Y Thái Bình (cũ)	Số 14 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo	QĐ05	2.019,2	1.984,0	256.438	508.772.992	42.397.749	1.984,0	5	Đất TMDV	127.193.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02		
5	Sở Giáo dục và Đào tạo (cũ)	Số 01 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo	QĐ06	4.515,0	3.518,8	629.690	2.215.753.172	184.646.098	3.518,8	5	Đất TMDV	553.938.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02		
6	MTTQVN tỉnh + Hội người cao tuổi tỉnh (cũ)	Số 08, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo	QĐ07	1.894,3	1.451,0	766.882	1.112.745.782	92.728.815	1.451,0	5	Đất TMDV	278.186.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02		
7	Hội chữ thập đỏ tỉnh Thái Bình (cũ) sở	Số 237, đường Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo	QĐ08	392,0	1.086,0	140.504	152.587.344	12.715.612	1.086,0	5	Đất TMDV	38.147.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02		
8	Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Ứng dụng KHCN (cũ)	Số 66, đường Kỳ Đồng, phường Trần Hưng Đạo	QĐ09	1.300,0	557,0	743.595	414.182.415	34.515.201	557,0	5	Đất TMDV	103.546.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02		
9	Thanh tra GTVT tỉnh Thái Bình (cũ)	Số 366, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo	QĐ10	1.480,0	1.917,0	339.903	651.594.051	54.299.504	1.917,0	5	Đất TMDV	162.899.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02		

STT	Tên cơ sở nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)		Giá niêm yết			Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời gian cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Ghi chú
				Đất	Sàn sử dụng nhà	Đơn giá cho thuê nhà Gt (đồng/m2 /năm)	Tiền thuê nhà theo năm (đồng/năm)	Tiền thuê nhà theo tháng (đồng/tháng)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
10	Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình	Số 362, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo	QĐ11	938,9	1693,9	361.837	612.915.694	51.076.308	1.693,9	5	Đất TMDV	153.229.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02	
11	Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình cũ	Số 255, đường Lý Thái Tổ, phường Trần Lãm	QĐ12	476,6	365,53	219.484	80.227.987	6.685.666	365,53	5	Đất TMDV	20.057.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02	
12	Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình (cũ)	Số 364, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo	QĐ13	740,0	504,0	1.089.115	548.913.960	45.742.830	504,0	5	Đất TMDV	137.228.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02	
13	Chi cục dự trữ Nhà nước khu vực Thái Bình cũ	Số 73, đường Trần Phú, phường Trần Hưng Đạo	QĐ14	789,6	1.858,0	360.045	668.963.610	55.746.968	1.858,0	5	Đất TMDV	167.241.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02	
14	Chi cục Biển và Thủy sản	Số 43, đường Phạm Thế Hiển, phường Trần Hưng Đạo	QĐ15	411,8	555,0	536.505	297.760.275	24.813.356	555,0	5	Đất TMDV	74.440.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02	
15	Sở Y tế	Số 239, đường Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo	QĐ16	3.991,8	3.732,0	513.892	1.917.844.944	159.820.412	3.732,0	5	Đất TMDV	479.461.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02	
16	Thuế có 9 xã Kiến Xương	Số 02, đường Nguyễn Du, xã Kiến Xương	QĐ17	3.535,6	2.479,0	538.781	1.335.638.099	111.303.175	2.479,0	5	Đất TMDV	333.910.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02	
17	Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng cũ	Đường Đào Vũ Thường, xã Đông Hưng	QĐ18	970,4	500,0	230.537	115.268.500	9.605.708	500,0	5	Đất TMDV	28.817.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02	
18	Chi cục Quản lý đường bộ I.7 cũ	Đường Bùi Sỹ Tiêm, xã Đông Hưng	QĐ19	2.265,5	383,0	1.136.483	435.227.530	36.268.961	383,0	5	Đất TMDV	108.807.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02	
19	Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng	Đường Đào Vũ Thường, xã Đông Hưng	QĐ20	779,0	670,0	170.969	114.549.230	9.545.769	670,0	5	Đất TMDV	28.637.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02	
20	Kho bạc Nhà nước huyện Thái Thụy cũ	Phố Đồng Miếu, xã Thái Thụy	QĐ21	3.502,5	1.334,0	875.928	1.168.487.952	97.373.996	1.334,0	5	Đất TMDV	292.122.000	Từ ngày 03/8/2026 đến hết ngày 10/8/2026 tại Trung tâm PTQĐ số 02	08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2026 tại Phòng hợp tác 3, Trụ sở Trung tâm PTQĐ số 02	
Tổng 21 cơ sở nhà, đất				33.484,00	28.257,07		13.271.342.860	1.105.945.238	28.257,07			3.317.835.000			